

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/20121/DS-ST**

Ngày: 19- 4 - 2021

*V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng– Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2020/TLST-DS ngày 28/10/2020, về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐST-DS ngày 10/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Điều D, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú tại: tổ 7, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Anh Điều Kim C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú tại: tổ 7, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Thị G, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ 7, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bà Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú tại: tổ 7, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Điều D trình bày:

Gia đình ông Điều D có diện tích đất 9.728m², tọa lạc tại tổ 7, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; trên đất có trồng 770 cây cao su 07 năm tuổi và 120 cây điều 07 năm tuổi. Tiếp giáp với diện tích đất của ông là đất do gia đình anh Điều Kim C quản lý, sử dụng. Vào ngày 28/01/2020 gia đình anh C đốt cỏ bên phần đất của mình để dọn vườn, do bất cẩn, không trông coi nên đã để cháy lan sang vườn của ông làm thiệt hại khoảng 200 cây cao su (bị chết và cháy sém không có khả năng thu hoạch mủ). Ông D đã nhiều lần thương lượng yêu cầu gia đình anh C phải bồi thường thiệt hại do đốt rẫy để cháy lan sang vườn ông gây thiệt hại nhưng anh C không đồng ý với mức bồi thường mà ông D đưa ra. Theo đơn khởi kiện, ông Điều D khởi kiện yêu cầu ông Điều Kim C bồi thường cho ông thiệt hại xảy ra với số tiền 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng. Cụ thể thiệt hại như sau:

Tiền thất thu mủ cao su trong 20 năm còn lại; cây cao su sau khi trừ đi chi phí chăm sóc, tiền công, mỗi ngày thu nhập mủ với số tiền 500 đồng; thời gian thu hoạch 08 tháng/01 năm, tức 01 năm thiệt hại 200 cây cao su là 24.000.000 đồng x 20 năm = 480.000.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D thay đổi ý kiến và yêu cầu anh Điều Kim C và chị Thị G (vợ anh Điều Kim C) phải bồi thường thiệt hại với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Điều Kim C trình bày:

Vào ngày 28/01/2020 anh C có đốt cỏ tại vườn của mình để dọn dẹp tại ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước do bất cẩn và gió to nên đã để lửa cháy lan sang vườn nhà ông Điều D và bà Thị H. Trên vườn nhà ông D có trồng cây cao su và cây điều. Sau khi xảy ra vụ cháy thì có chính quyền gồm Ban ấp và Công an xã đến làm việc và kiểm tra trên vườn của ông D có 770 cây cao su cả lớn và nhỏ và 52 cây điều; cao su và điều của nhà ông D không biết trồng năm bao nhiêu nhưng theo ông D trình bày là được 07 năm tuổi. Ông có đi kiểm đếm thì có kết quả là khoảng 150 cây cao su cho thu hoạch mủ, còn lại cây cao su và điều nhỏ chưa cho thu hoạch. Nay anh C xác định thiệt hại là 200 cây cao su bị cháy nặng do lửa tấp qua làm rụng lá, hiện nay lá đã mọc lại bình thường, không bị chết cây nào, hiện nay vẫn cho thu hoạch nhưng lượng mủ giảm. Những cây khác bị sém ở góc đã phục hồi không còn ảnh hưởng về năng suất. Anh C xác định do bất cẩn và gió lớn nên khi đốt vườn nhà mình đã để cháy lan sang vườn nhà ông D gây thiệt hại nên anh đồng ý bồi thường thiệt hại với số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thị H trình bày: Bà là vợ của ông Điều D, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H thống nhất với phần trình bày của ông D,

cụ thể: ngày 28/01/2020 anh C đốt cỏ bên vườn nhà mình, bất cẩn nên đã để cháy lan qua vườn nhà bà gây thiệt hại đối với vườn cao su nhà bà. Tại phiên tòa bà H yêu cầu Hội đồng xét xử buộc anh Điều Kim C, chị Thị G phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho gia đình bà số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thị G:* Chị Thị G là vợ của anh Điều Kim C nên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác định chị Thị G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ để chị G tham gia giải quyết vụ án nhưng chị G vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông Điều D.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành tố tụng về thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa đúng trình tự pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, đánh giá tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Điều Kim C và chị Thị G có trách nhiệm bồi thường cho ông Điều D, bà Thị H số tiền 15.801.495đ, chi phí thẩm định anh C và chị Thị G phải chịu; án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản do ông Điều D khởi kiện; bị đơn anh Điều Kim C có nơi cư trú và thiệt hại xảy ra tại tổ 7, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 6, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Điều D vẫn giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Điều Kim C và chị Thị G phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản do đốt cháy làm thiệt hại về thu nhập mủ cao su do anh C đốt vườn cháy lan sang với giá trị là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vào ngày 28/01/2020 do anh Điều Kim C đốt cỏ dọn vườn bên phần vườn mình, bất cẩn đã để cháy lan sang vườn của gia đình ông Điều D gây thiệt hại nên nội dung này không phải chứng minh. Tuy nhiên, ông Điều D cho rằng thiệt hại xảy ra đối với gia đình ông đối về việc không thể

thu hoạch mủ cao su và cây cao su với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và yêu cầu anh Điều Kim C, chị Thị G có nghĩa vụ bồi thường. Anh Điều Kim C xác định việc đốt cỏ bên vườn của mình do bất cẩn dẫn đến cháy lan qua vườn nhà ông D là lỗi của anh C và đồng ý bồi thường nhưng cây cao su nhà ông D chỉ bị sém và khả năng phục hồi cao, hiện vẫn có thể cho thu hoạch mủ nên thiệt hại chỉ tương đương 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và đồng ý bồi thường 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho gia đình ông Điều D. Xét thấy: mức thiệt hại do các đương sự trình bày có sự khác nhau nên nội dung này cần phải chứng minh. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2021 với sự chứng kiến của chính quyền địa phương, các đương sự và có sự tham gia của đại diện Cơ quan chuyên môn là Công ty TNHH MTV cao su (Công ty cao su) Bình Long và văn bản trả lời số 37/CSBL-QLKT ngày 18/01/2021 của Công ty cao su Bình Long về việc phúc đáp Công văn số 03/CV-TA ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H về quy trình, chăm sóc và khai thác cây cao su (BL 37) thì xác định: Vườn cây cao su không được chăm sóc tốt, sinh trưởng kém, kỹ thuật cạo không đạt yêu cầu (cạo phạm, ảnh hưởng đến năng suất mủ). Toàn bộ diện tích vườn cây cao su của gia đình ông Điều D bị ảnh hưởng (thiệt hại) do anh C đốt vườn làm cháy lan sang khoảng 500 cây cao su 07 năm tuổi. Các cây cao su bị cháy có thể phục hồi sau 03 năm như bình thường, sau đó tăng cường chăm sóc để phục hồi dần và đưa vào cạo mủ theo chế độ d/3 (3 ngày cạo một lần), không cạo d/2 (2 ngày cạo một lần). Thiệt hại và chi phí trong 03 năm như sau: “*Tình trạng cây khi chưa bị cháy có thu nhập và chi phí trung bình là năm 2019: thu hoạch 1.000 kg mủ khô/500 cây, tương ứng với 3,333 kg mủ nước; năm 2020: thu hoạch 1.000 kg mủ khô/500 cây, tương ứng với 3,333 kg mủ nước; năm 2021: thu hoạch 1.000 kg mủ khô/500 cây, tương ứng với 3,333 kg mủ nước. Tổng sản lượng mất trong 03 năm không cạo: 03 tấn mủ khô tương đương với 10 tấn mủ nước (Hàm lượng mủ quy khô DRC = 30%, trọng lượng mủ khô = 30% trọng lượng mủ nước). Do bị cháy nên trong 03 năm này gia đình ông D mất thu nhập 500 cây với giá bán bình quân khoảng 33,5 triệu đồng/ tấn mủ khô. Chi phí trong 03 năm 2019, 2020 và 2021 là: bón phân Urê = 97kg/ha (tương ứng 500 cây) x 7.340 đồng/kg x 3 năm = 2.135.940 đồng; Lân = 137kg/ha x 3.380 đồng/kg x 3 năm = 1.389.180 đồng; Kali = 75 kg/ha x 7.895 đồng/kg x 3 năm = 1.776.375 đồng. Chi phí công thuê cạo mủ cao su trong 03 năm là: Trung bình công cạo 200.000 đồng/người/ngày; 01 năm cạo 10 tháng, 01 tháng cạo 15 ngày. Vậy thành tiền của 01 năm là 200.000 đồng/ngày x 150 ngày = 30.000.000 đồng”.*

Từ những phân tích trên, sau khi tính toán thì xác định nguyên nhân anh C đốt vườn làm cháy sang vườn ông D chỉ tính thiệt hại trong 03 năm 2019 đến

năm 2021 thì cây phục hồi như ban đầu. Sau khi tính toán thu hoạch bình thường trong 03 năm bị mất thu nhập và trừ chi phí thiệt hại như sau:

Tổng thu nhập cao su đối với 500 cây cao su trong 03 năm là: 33,5 triệu đồng x 3 = 100.500.000đ.

Tổng chi phí tiền công cao su đối với 500 cây cao su trong 03 năm là 200.000đ/ngày x 150 ngày x 3 = 90.000.000đ.

Thiệt hại mà ông Điều D và bà Thị H là: 100.500.000đ – 90.000.000đ = 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng chi phí phân bón để phục hồi 500 cây cao su trong 03 năm là 5.301.495đ.

Tổng thiệt hại của ông Điều D, bà Thị H trong thời gian 03 năm và chi phí để phục hồi đối với 500 cây cao su là 10.500.000đ + 5.301.495đ = 15.801.495đ (Mười lăm triệu tám trăm lẻ một ngàn bốn trăm chín mươi lăm đồng).

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Điều D, bà Thị H, buộc anh Điều Kim C và chị Thị G có trách nhiệm bồi thường cho ông Điều D và bà Thị H tổng số tiền 15.801.495đ (Mười lăm triệu tám trăm lẻ một ngàn bốn trăm chín mươi lăm đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: Anh Điều Kim C và chị Thị G phải chịu 1.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do ông Điều D đã đóng tạm ứng trước nên anh Điều Kim C và chị Thị G có trách nhiệm trả cho ông Điều D số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Điều D và bà Thị H chỉ được chấp nhận một phần nên ông D, bà H phải liên đới chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận là: (50.000.000đ - 15.801.495đ) x 5% = 1.709.925đ.

Anh Điều Kim C, chị Thị G phải chịu 790.074đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 144, 146, 147, 157, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Điều D và bà Thị H về việc yêu cầu anh Điều Kim C, chị Thị G bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản.

Buộc anh Điều Kim C và chị Thị G phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Điều D và bà Thị H số tiền 15.801.495đ (Mười lăm triệu tám trăm lẻ một ngàn bốn trăm chín mươi lăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Điều D, bà Thị H về yêu cầu anh Điều Kim C bồi thường số tiền 34.498.505đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn năm trăm lẻ năm ngàn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Anh Điều Kim C và chị Thị G phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do ông Điều D đã tạm ứng trước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên anh C, chị Thị G có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Điều Kim C và chị Thị G phải chịu 790.074đ (Bảy trăm chín mươi ngàn không trăm bảy mươi tư đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Ông Điều D và bà Thị H phải chịu 1.709.925đ (Một triệu bảy trăm lẻ chín ngàn chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Điều D đã nộp theo biên lai thu số 0002327 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện H trả lại cho ông Điều D số tiền 9.890.075đ (Chín triệu tám trăm chín mươi ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Đường sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học